

Số: /QĐ-UBND

Kẻ Sắt, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách
năm 2025 xã Kẻ Sắt

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KẼ SẮT

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Kẻ Sắt Phê chuẩn Quyết toán thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn và Quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 59/TTr-KT ngày 12 tháng 3 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 xã Kẻ Sắt (chi tiết tại biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Công thông tin điện tử xã Kẻ Sắt;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Hữu Tuấn

UBND XÃ KÊ SẶT

Biểu số 116/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**Đơn vị: đồng*

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	438.959.513.183	TỔNG SỐ CHI	438.004.725.380
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.539.491.120	I. Chi đầu tư phát triển	79.515.270.013
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	40.538.831.020	II. Chi thường xuyên ¹	311.747.876.625
III. Thu bổ sung	344.400.186.478	III. Chi chuyển nguồn ngân sách xã sang năm sau	45.958.074.619
- Bổ sung cân đối	237.579.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	783.504.123
- Bổ sung có mục tiêu	106.821.186.478		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	308.710.951		
V. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	52.172.293.614		
KẾT DƯ NGÂN SÁCH			954.787.803

¹ Trong đó chi thường xuyên từ dự phòng ngân sách xã: 5.546.244.044 đồng

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ	267.730.000.000	247.936.000.000	581.187.333.045	438.959.513.183	217%	177%
I	Các khoản thu 100%	598.000.000	598.000.000	4.197.461.983	1.539.491.120	702%	257%
1	Các loại phí, lệ phí	322.000.000	322.000.000	564.268.488	322.309.988	175%	100%
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	225.000.000	225.000.000	296.388.647	296.388.647	132%	132%
3	Thu khác ngân sách	51.000.000	51.000.000	3.336.804.848	920.792.485	6543%	1805%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm %	29.553.000.000	9.759.000.000	179.834.680.019	40.538.831.020	609%	415%
1	Các khoản thu phân chia	2.083.000.000	2.083.000.000	14.621.338.490	5.900.303.860	702%	283%
-	Lệ phí trước bạ	1.400.000.000	1.400.000.000	13.747.673.390	5.163.121.098	982%	369%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	683.000.000	683.000.000	873.665.100	737.182.762	128%	108%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	27.470.000.000	7.676.000.000	165.213.341.529	34.638.527.160	601%	451%
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo	-	-	2.494.000.659			
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	5.823.415.308			
-	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.290.000.000	2.632.000.000	37.124.165.410	6.202.948.132	1128%	236%
-	Thuế thu nhập cá nhân	2.180.000.000	1.744.000.000	24.386.459.462	17.858.033.103	1119%	1024%
-	Thuế bảo vệ môi trường	-	-				
-	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			1.754.775.218			
-	Thu tiền sử dụng đất	22.000.000.000	3.300.000.000	93.630.525.472	10.577.545.925	426%	321%
III	Thu chuyển giao ngân sách	237.579.000.000	237.579.000.000	344.674.186.478	344.400.186.478	145%	145%
1	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	237.579.000.000	237.579.000.000	344.400.186.478	344.400.186.478	145%	145%
-	Bổ sung cân đối	237.579.000.000	237.579.000.000	237.579.000.000	237.579.000.000	100%	100%
-	Bổ sung mục tiêu	-	-	106.821.186.478	106.821.186.478		
2	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			274.000.000			
IV	Thu chuyển nguồn	-	-	52.172.293.614	52.172.293.614		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	308.710.951	308.710.951		

UBND XÃ KÊ SẶT

Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	244.636.000.000	3.300.000.000	244.636.000.000	438.004.725.380	79.515.270.013	358.489.455.367	179%	2410%	147%
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	111.789.000.000		111.789.000.000	120.127.935.618	4.028.414.026	116.099.521.592	107%		104%
2	Chi khoa học và công nghệ	-			-					
3	Chi quốc phòng	2.019.000.000		2.019.000.000	2.462.852.200		2.462.852.200	122%		122%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	4.088.000.000		4.088.000.000	4.249.144.000		4.249.144.000	104%		104%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	269.000.000		269.000.000	269.000.000		269.000.000	100%		100%
6	Chi văn hóa thông tin	1.857.000.000		1.857.000.000	3.782.403.368	2.163.491.000	1.618.912.368	204%		87%
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	1.023.000.000		1.023.000.000	2.107.095.552		2.107.095.552	206%		206%
8	Chi thể dục thể thao	340.000.000		340.000.000	477.283.174	137.283.174	340.000.000	140%		100%
9	Chi bảo vệ môi trường	1.852.000.000		1.852.000.000	1.852.000.000		1.852.000.000	100%		100%
10	Chi các hoạt động kinh tế	11.694.000.000		11.694.000.000	83.441.774.615	71.663.655.275	11.778.119.340	714%		101%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	56.718.000.000		56.718.000.000	101.711.992.267	252.368.538	101.459.623.729	179%		179%
12	Chi bảo đảm xã hội	47.108.000.000		47.108.000.000	60.942.157.960		60.942.157.960	129%		129%
13	Chi khác	309.000.000		309.000.000	4.293.263.840	1.270.058.000	3.023.205.840	1389%		978%
14	Dự phòng ngân sách	5.570.000.000		5.570.000.000	5.546.244.044		5.546.244.044	99,6%		99,6%
15	Chi nộp ngân sách cấp trên				783.504.123		783.504.123			
16	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				45.958.074.619		45.958.074.619			

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

STT	Danh mục dự án	DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				So sánh (%)			
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
			Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số	79.515.270.013	0	0	79.515.270.013	79.515.270.013	0	0	79.515.270.013	100%			100%
A	LĨNH VỰC GIÁO DỤC	4.028.414.026	0	0	4.028.414.026	4.028.414.026	0	0	4.028.414.026	100%			100%
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ KÊ SẶT	4.028.414.026	0	0	4.028.414.026	4.028.414.026	0	0	4.028.414.026	100%			100%
1	Chuẩn bị đầu tư				0				0				
2	Thực hiện dự án	4.028.414.026	0	0	4.028.414.026	4.028.414.026	0	0	4.028.414.026	100%			100%
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016- 2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025												
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	4.028.414.026			4.028.414.026	4.028.414.026	0	0	4.028.414.026	100%			100%
-	036200352 - Công trình: Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Hùng Thắng (Hạng mục: Tường rào, sảnh, cửa, mái tôn lớp học và nhà vòm)	1.072.821.000			1.072.821.000	1.072.821.000			1.072.821.000	100%			100%
-	036200367 - Công trình: Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2T 8P trường THCS Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang	285.485.000			285.485.000	285.485.000			285.485.000	100%			100%
-	036200420 - Cải tạo nhà hiệu bộ; nhà lớp học 2T 6P; mái che sân Trường Mầm non Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang	488.657.000			488.657.000	488.657.000			488.657.000	100%			100%

-	037000007 - Trường Tiểu học xã Vĩnh Hồng huyện Bình Giang HM: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng	297.505.000			297.505.000	297.505.000			297.505.000	100%			100%
-	037000017 - Cải tạo tường rào, sân bê tông, hệ thống thoát nước trường THCS Hùng Thắng	886.819.200			886.819.200	886.819.200			886.819.200	100%			100%
-	037000066 - Trường Tiểu học Hùng Thắng HM: Khu vệ sinh	45.705.000			45.705.000	45.705.000			45.705.000	100%			100%
-	037000119 - Nâng cấp, cải tạo nhà xe học sinh, nền sân, thay mới hệ thống cửa nhà hiệu bộ trường THCS Hùng Thắng	124.943.000			124.943.000	124.943.000			124.943.000	100%			100%
-	037000217 - Trường Tiểu Học Vĩnh Hồng huyện Bình Giang HM: Nhà Lớp học 3 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	554.987.000			554.987.000	554.987.000			554.987.000	100%			100%
-	420211803 - Trường THCS Vĩnh Hồng huyện Bình Giang HM: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng	179.443.000			179.443.000	179.443.000			179.443.000	100%			100%
-	420215402 - Nhà vệ sinh trường THCS xã Hùng Thắng	38.728.000			38.728.000	38.728.000			38.728.000	100%			100%
-	7775292 - Trường Tiểu học Hùng Thắng, huyện Bình Giang HM: Nhà ăn, nhà bếp, sân, mái che, tường rào	53.320.826			53.320.826	53.320.826			53.320.826	100%			100%
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA	2.163.491.000	0	0	2.163.491.000	2.163.491.000	0	0	2.163.491.000	100%			100%
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ KẾ SẶT	2.163.491.000	0	0	2.163.491.000	2.163.491.000	0	0	2.163.491.000	100%			100%
1	Chuẩn bị đầu tư												
2	Thực hiện dự án	2.163.491.000	0	0	2.163.491.000	2.163.491.000	0	0	2.163.491.000	100%			100%
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016- 2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025												
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	2.163.491.000			2.163.491.000	2.163.491.000	0	0	2.163.491.000	100%			100%
-	036200391 - CT: Trung tâm văn hóa thể thao thôn My Thữ, xã Vĩnh Hồng HM: Xây mới nhà vệ sinh, sân thể thao và cải tạo nhà văn hóa thôn	1.095.661.000			1.095.661.000	1.095.661.000			1.095.661.000	100%			100%
-	036200393 - CT: Bổ sung hệ thống rãnh thoát nước quanh tường rào Đền thờ Bà Chúa Me Vũ Thị Ngọc Nguyên, xã Vĩnh Hồng	699.031.000			699.031.000	699.031.000			699.031.000	100%			100%
-	037000037 - Cải tạo một số HM Nghĩa trang liệt sỹ xã Vĩnh Hồng	50.045.000			50.045.000	50.045.000			50.045.000	100%			100%
-	420201814 - Đền thờ Bà chúa Me Vũ Thị Ngọc Nguyên HM San lấp ao	318.754.000			318.754.000	318.754.000			318.754.000	100%			100%

	(phần còn lại), tường rào, tứ phủ công đồng												
C	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO	137.283.174	0	0	137.283.174	137.283.174	0	0	137.283.174	100%			100%
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ KẾ SÁT	137.283.174	0	0	137.283.174	137.283.174	0	0	137.283.174	100%			100%
1	Chuẩn bị đầu tư												
2	Thực hiện dự án	137.283.174	0	0	137.283.174	137.283.174	0	0	137.283.174	100%			100%
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016- 2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025												
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	137.283.174			137.283.174	137.283.174	0	0	137.283.174	100%			100%
-	037000220 - Sân vận động thôn Lương Phúc, xã Hùng Thắng HM: Sân nền	51.658.174			51.658.174	51.658.174			51.658.174	100%			100%
-	037000324 - Công trình: Phòng tập thể thao UBND xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang	85.625.000			85.625.000	85.625.000			85.625.000	100%			100%
D	LĨNH VỰC KINH TẾ	71.663.655.275	0	0	71.663.655.275	71.663.655.275	0	0	71.663.655.275	100%			100%
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ KẾ SÁT	71.663.655.275	0	0	71.663.655.275	71.663.655.275	0	0	71.663.655.275	100%			100%
1	Chuẩn bị đầu tư				0				0				
2	Thực hiện dự án	71.663.655.275	0	0	71.663.655.275	71.663.655.275	0	0	71.663.655.275	100%			100%
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016- 2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025												
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	71.663.655.275			71.663.655.275	71.663.655.275	0	0	71.663.655.275	100%			100%
-	036200309 - Công trình: HTKT điểm dân cư mới vị trí 2 thôn Phục Lễ xã Vĩnh Hồng huyện Bình Giang; HM: Giao thông, thoát nước, cấp nước - vị trí 1	13.290.563.000			13.290.563.000	13.290.563.000			13.290.563.000	100%			100%
-	036200310 - Công trình: HTKT điểm dân cư mới vị trí 2 thôn Phục Lễ xã Vĩnh Hồng huyện Bình Giang; HM: Sân nền + Giao thông - Vị trí 2	12.749.722.000			12.749.722.000	12.749.722.000			12.749.722.000	100%			100%
-	036200345 - Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Lý Đông, xã Vĩnh Hồng (Tuyến 1: Từ ngã ba nhà ông Trí đến ngã ba nhà ông Hùng; Tuyến 2: Từ ngã ba nhà ông Hùng Sao đến ngã tư nhà ông Hoàn)	5.020.178.741			5.020.178.741	5.020.178.741			5.020.178.741	100%			100%
-	036200369 - CT: Xây dựng rãnh thoát nước thôn Lý Đông, xã Vĩnh Hồng (đoạn từ nhà ông Đức đến nhà bà Mên)	463.848.000			463.848.000	463.848.000			463.848.000	100%			100%

-	036200392 - CT: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT thôn Mỹ Thử; Đoạn từ nhà ông Doanh đến nhà ông Tỉnh	1.192.154.000			1.192.154.000	1.192.154.000			1.192.154.000	100%			100%
-	036200421 - Nâng cấp, cải tạo xây dựng kênh mương bê tông phục vụ SXNN điểm đầu đường 395 thôn Me Vàng - Lý Dương đến cánh đồng thôn Phụng Viện, xã Vĩnh Hồng	2.100.561.000			2.100.561.000	2.100.561.000			2.100.561.000	100%			100%
-	036200447 - HTKT điểm DCM vị trí 2 thôn Phục Lễ xã Vĩnh Hồng huyện Bình Giang; HM: Giao thông, thoát nước vị trí 2; Hệ thống điện	14.520.736.764			14.520.736.764	14.520.736.764			14.520.736.764	100%			100%
-	037000060 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên xã Vĩnh Hồng-Tân Việt (Đoạn từ Km0+427,00-Km0+769,47) xã Vĩnh Hồng	198.167.000			198.167.000	198.167.000			198.167.000	100%			100%
-	037000061 - Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Phục Lễ xã Vĩnh Hồng	1.034.186.000			1.034.186.000	1.034.186.000			1.034.186.000	100%			100%
-	037000122 - Đường dây 35KV và TBA 320KVA-35922)/0,4KV cấp điện điểm DCM thôn Thuận Lương và Hòa Ché xã Hùng Thắng	150.684.000			150.684.000	150.684.000			150.684.000	100%			100%
-	037000154 - Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông thôn Lý Đông và thôn Lý Dương xã Vĩnh Hồng	362.325.000			362.325.000	362.325.000			362.325.000	100%			100%
-	037000200 - Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường GTNT thôn Tuấn Bắc xã Hùng Thắng	2.581.000.000			2.581.000.000	2.581.000.000			2.581.000.000	100%			100%
-	037000226 - Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới vị trí 2 thôn Phục Lễ xã Vĩnh Hồng huyện Bình Giang HM: Vĩa hè, thoát nước + giải phóng mặt bằng	898.419.000			898.419.000	898.419.000			898.419.000	100%			100%
-	037000303 - Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Mỹ Thử (giai đoạn 2) xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang; HM: San nền (phần Khu 2)	3.500.000.000			3.500.000.000	3.500.000.000			3.500.000.000	100%			100%
-	037000307 - Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Phục Lễ, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang; Đoạn từ nhà ông Tài đến nhà bà Bạ	92.775.770			92.775.770	92.775.770			92.775.770	100%			100%
-	037000308 - Công trình: Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Mỹ Thử	1.200.000.000			1.200.000.000	1.200.000.000			1.200.000.000	100%			100%

	(giai đoạn 2) xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang; Hạng mục: Giao thông + thoát nước + cấp nước + cây xanh - Phần khu 2											
-	037000316 - Công trình: Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới vị trí 2 thôn Phục Lễ xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang; Hạng mục: San nền + đắp bờ bao chắn cát	8.799.361.000			8.799.361.000	8.799.361.000			8.799.361.000	100%		100%
-	037000339 - Công trình: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GT thôn Đỗ Xá, thôn Me Vàng và thôn Phụng Viên, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang	1.669.177.000			1.669.177.000	1.669.177.000			1.669.177.000	100%		100%
-	037000340 - Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường trục xã Vĩnh Hồng đoạn qua trại thôn My Thứ; Hạng mục: Mở rộng mặt đường bên phải; Rãnh thoát nước và hố ga	765.323.000			765.323.000	765.323.000			765.323.000	100%		100%
-	037000341 - Công trình: Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Vĩnh Hồng; Tuyến 1: Đường GT thôn My Khê đoạn từ nhà bà Lợi đến nhà ông Hải; Tuyến 2: Kè gia cố mái taluy âm đường từ Lý Đông sang Lý Dương	449.817.000			449.817.000	449.817.000			449.817.000	100%		100%
-	420211814 - Nâng cấp, cải tạo đg trục xã Vĩnh Hồng đoạn từ Điểm dân cư mới đồng Năm Dí đến đg tỉnh lộ 392	53.049.000			53.049.000	53.049.000			53.049.000	100%		100%
-	420211815 - Nâng cấp, cải tạo đường trục xã Vĩnh Hồng đoạn từ đường tỉnh lộ 395 đến Trại thôn My Thứ	123.298.000			123.298.000	123.298.000			123.298.000	100%		100%
-	420211821 - Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông thôn Phụng Viên, xã Vĩnh Hồng đoạn từ đg tỉnh 395 đến ngã ba nhà ông Nguyễn	448.310.000			448.310.000	448.310.000			448.310.000	100%		100%
E	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	252.368.538	0	0	252.368.538	252.368.538	0	0	252.368.538	100%		100%
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ KẾ SÁT	252.368.538	0	0	252.368.538	252.368.538	0	0	252.368.538	100%		100%
1	Chuẩn bị đầu tư				0				0			
2	Thực hiện dự án	252.368.538	0	0	252.368.538	252.368.538	0	0	252.368.538	100%		100%
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016- 2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025				0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	252.368.538			252.368.538	252.368.538	0	0	252.368.538	100%		100%

-	420215403 - Nhà đa năng xã Hùng Thắng huyện Bình Giang	252.368.538			252.368.538	252.368.538			252.368.538	100%			100%
F	LĨNH VỰC KHÁC	1.270.058.000	0	0	1.270.058.000	1.270.058.000	0	0	1.270.058.000	100%			100%
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ KÊ SẶT	1.270.058.000	0	0	1.270.058.000	1.270.058.000	0	0	1.270.058.000	100%			100%
1	Chuẩn bị đầu tư												
2	Thực hiện dự án	1.270.058.000	0	0	1.270.058.000	1.270.058.000	0	0	1.270.058.000	100%			100%
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016- 2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025												
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025	1.270.058.000	0	0	1.270.058.000	1.270.058.000	0	0	1.270.058.000	100%			100%
-	036200374 - Quy hoạch chung xây dựng xây dựng xã Hùng Thắng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	407.693.000			407.693.000	407.693.000			407.693.000	100%			100%
-	036200375 - Quy hoạch chung xây dựng xây dựng xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	450.560.000			450.560.000	450.560.000			450.560.000	100%			100%
-	036200378 - Quy hoạch chung xây dựng xây dựng xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	411.805.000			411.805.000	411.805.000			411.805.000	100%			100%